

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP) của tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP) của tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tham gia đầu tư, phát triển, vận hành các hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, dịch vụ số và hoạt động nghiên cứu và phát triển theo các hình thức hợp tác công tư quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Nghị định số 180/2025/NĐ-CP), tập trung vào lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, đào tạo nhân lực công nghệ số và các loại hình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ phù hợp với mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hình thành danh mục dự án PPP khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trọng điểm; thúc đẩy cơ chế huy động nguồn lực xã hội, chia sẻ rủi ro, ưu đãi đầu tư và bảo đảm đầu tư theo quy định của Nghị định số 180/2025/NĐ-CP để tạo sản phẩm, dịch vụ số mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chuẩn bị danh mục dự án PPP khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

a) Xây dựng, công bố danh mục dự án PPP thuộc các nhóm: hạ tầng dữ liệu dùng chung, nền tảng số dùng chung, trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng

AI, IoT, Cloud, An toàn thông tin, trung tâm đào tạo nhân lực số; hạ tầng phục vụ thương mại hóa sản phẩm công nghệ số địa phương theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Mỗi dự án phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo Nghị định số 180/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan, thuyết minh mô hình kỹ thuật, phương án tài chính, phân tích rủi ro, cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu; với dự án có nghiên cứu và phát triển (R&D), thuyết minh 02 giai đoạn nghiên cứu và ứng dụng.

2. Lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư: đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh, chỉ định trong các trường hợp quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP (bao gồm trường hợp nhà đầu tư sở hữu, sử dụng công nghệ chiến lược; yêu cầu đồng bộ kỹ thuật hạ tầng số; yêu cầu cấp bách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội);

b) Phân cấp cơ quan ký kết hợp đồng PPP bảo đảm công khai, minh bạch, giám sát định kỳ theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

3. Cơ chế tài chính, ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư

a) Áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong dự án PPP đến 70% tổng mức đầu tư để hỗ trợ xây dựng công trình, giải phóng mặt bằng, tái định cư, công trình tạm theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP; phần kinh phí đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển là độc lập với phần vốn nhà nước tham gia dự án PPP;

b) Áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu; 03 năm đầu được áp dụng mức chia sẻ 100% phần chênh lệch giảm giữa doanh thu thực tế và doanh thu trong phương án tài chính khi đáp ứng điều kiện tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; có thể chấm dứt hợp đồng trước hạn nếu sau cơ chế chia sẻ doanh thu mà doanh thu vẫn dưới 50% phương án tài chính theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

4. Sử dụng tài sản công và liên doanh, liên kết

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công (bao gồm dữ liệu) để liên doanh, liên kết nghiên cứu công nghệ chiến lược, hợp tác đào tạo nhân lực số theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP; tự quyết định lựa chọn đối tác, phương án sử dụng tài sản, thời gian và tỷ lệ khấu hao;

b) Được miễn nộp tối thiểu 2% doanh thu với trường hợp liên doanh, liên kết cho mục tiêu nghiên cứu công nghệ chiến lược hoặc hợp tác đào tạo theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

5. Truy cập, sử dụng dữ liệu nhà nước và sở hữu trí tuệ

a) Việc truy cập, sử dụng, chia sẻ dữ liệu nhà nước trong hợp tác công tư tuân thủ pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; miễn phí với

dự án phi lợi nhuận; dự án thương mại được thỏa thuận chi phí ở mức hợp lý, thấp hơn mức thu phí, lệ phí, giá dữ liệu để bù đắp chi phí quản lý, vận hành hạ tầng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản, chương trình máy tính, sản phẩm, nền tảng công nghệ hình thành từ hợp tác công tư được thỏa thuận, phù hợp pháp luật; cơ quan nhà nước là chủ sở hữu dữ liệu gốc do mình tạo lập, dữ liệu phát sinh xử lý theo thỏa thuận, bảo đảm chia sẻ lợi ích công bằng theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

6. Đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hợp tác ba bên

a) Nhà nước đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quyền sở hữu, thương mại hóa, phân chia lợi nhuận thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức hợp tác ba bên giữa Nhà nước - tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP: Nhà nước xác định mục tiêu, đặt hàng, hỗ trợ hạ tầng; tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu, vận hành hạ tầng và đào tạo; doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, cấp kinh phí R&D, ứng dụng, thương mại hóa.

7. Cơ chế truyền thông và hỗ trợ doanh nghiệp

a) Thiết lập đầu mối tư vấn PPP số tại Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; công bố hướng dẫn, biểu mẫu, quy trình điện tử; hỗ trợ thủ tục, thu xếp vốn, ưu đãi thuế - đất đai theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu công nghệ, hội thảo phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức PPP, chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp về lập hồ sơ PPP, báo cáo nghiên cứu khả thi, đàm phán hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì xây dựng danh mục dự án PPP số trọng điểm; hướng dẫn chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi; tham mưu lựa chọn hình thức PPP phù hợp từng dự án đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Chủ trì khung kỹ thuật nền tảng số dùng chung, tích hợp dữ liệu, an toàn thông tin; thiết kế cơ chế truy cập dữ liệu; phối hợp xây dựng, chuẩn hóa, kết nối nền tảng theo quy định;

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dịch vụ số mới; phương án thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thỏa thuận phân chia lợi ích theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp tham mưu cấp thẩm quyền phê duyệt bố trí, phân bổ kinh phí đầu tư công tham gia tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án PPP;

b) Phối hợp hướng dẫn các nội dung có liên quan đến sử dụng tài sản công tham gia dự án PPP; theo dõi cơ chế chia sẻ doanh thu, chấm dứt hợp đồng trước hạn khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

c) Tham mưu cơ chế tài chính, hạch toán vốn nhà nước trong dự án PPP; bố trí kinh phí đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ; hướng dẫn giá, phí dữ liệu phù hợp nguyên tắc theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

d) Hướng dẫn ưu đãi đầu tư liên quan hoạt động nghiên cứu và phát triển theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Cân đối bố trí quỹ đất cho hạ tầng số, trung tâm R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu ưu đãi về đất đai theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Bảo đảm tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng trong khai thác dữ liệu tài nguyên - môi trường theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức các dự án PPP về đào tạo nhân lực công nghệ số, nâng cấp cơ sở đào tạo, phát triển nền tảng đào tạo số theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP; triển khai hợp tác ba bên giữa nhà trường - doanh nghiệp - Nhà nước;

b) Đề xuất đặt hàng, tài trợ chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng số.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Sở Tài chính

a) Tổ chức xúc tiến, đối thoại doanh nghiệp; giới thiệu danh mục dự án PPP số; kết nối nhà đầu tư chiến lược, các quỹ trong nước và quốc tế tham gia dự án PPP;

b) Phối hợp truyền thông cơ chế, chính sách PPP theo Nghị định số 180/2025/NĐ-CP; cung cấp tài liệu hướng dẫn nhà đầu tư về quy trình, ưu đãi, bảo đảm đầu tư;

c) Kết nối doanh nghiệp tiếp nhận thực tập, tuyển dụng, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Đề xuất dự án PPP số cấp địa bàn; phối hợp giải phóng mặt bằng, thủ tục đất đai; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hạ tầng và dữ liệu địa phương theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức giám sát tiến độ, hiệu quả cung ứng dịch vụ số tại địa phương; phản hồi khó khăn, vướng mắc để điều chỉnh danh mục và cơ chế kịp thời.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đơn vị sự nghiệp công lập chủ động triển khai nhiệm vụ trong phạm vi quản lý; định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 12 gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết, tham chiếu nguyên tắc công khai, minh bạch, giám sát định kỳ theo quy định tại Nghị định số 180/2025/NĐ-CP; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy (CQTT NQ57)
- Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Báo Hưng Yên, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm